

A Tán

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 49 /2017/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 29 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp lập hồ sơ và tổ chức cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của UBND tỉnh và bổ sung các biểu mẫu kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 05/4/2016 của UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 09/12/2000;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy ngày 03/6/2008;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012;

Căn cứ Pháp lệnh số 09/2014/UBTVQH13 ngày 20/01/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại tòa án nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09/9/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng;

Căn cứ Nghị định số 61/2011/NĐ-CP ngày 26/7/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế;

Căn cứ Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày

30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BCA ngày 10/02/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế và Bộ Công an quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09/9/2010 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BLĐTBXH ngày 12/6/2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành biểu mẫu về lập hồ sơ đề nghị, thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và hướng dẫn xây dựng nội quy, quy chế đối với học viên của cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 08/10/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại trung tâm chữa bệnh - giáo dục - lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2015/TTLT-BYT-BLĐTBXH-BCA ngày 09/7/2015 của Bộ Y tế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an quy định thẩm quyền, thủ tục và quy trình xác định tình trạng nghiện ma túy;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTP ngày 28/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định việc kiểm tra tính pháp lý của Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện đối với hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 204/TTr-LĐTBXH ngày 27/11/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp lập hồ sơ và tổ chức cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của UBND tỉnh

1. Sửa đổi Điều 2 như sau:

“Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

a) Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên, có nơi cư trú ổn định:

- Trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn do nghiện ma túy hoặc trong thời hạn 01 năm kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn do nghiện ma túy mà vẫn còn nghiện.

- Bị chấm dứt thi hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn do tái nghiện ma túy.

- Người nghiện ma túy đang tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế khi xét nghiệm dương tính với chất ma túy khác ngoài chất dạng thuốc phiện và bị chấm dứt tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện theo quyết định của Giám đốc cơ sở điều trị Methadone.

b) Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên, không có nơi cư trú ổn định.

2. Gia đình người nghiện ma túy, các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia lập hồ sơ áp dụng các biện pháp cai nghiện ma túy và tổ chức quản lý, cai nghiện, phục hồi”.

2. Sửa đổi khoản 1 Điều 4 như sau:

“1. Người không nơi cư trú ổn định là người:

a) Không xác định được nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi đăng ký tạm trú.

b) Người có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đang sống tạm trú nhưng không sinh sống mà thường xuyên vắng mặt không có lý do có xác nhận của gia đình và chính quyền địa phương nơi đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú.

c) Không có nơi ở cố định”.

3. Sửa đổi khoản 2 Điều 7 như sau:

“2. Thẩm quyền xác định tình trạng nghiện ma túy

Người có thẩm quyền xác định tình trạng nghiện ma túy là bác sĩ, y sĩ, được cấp chứng nhận hoặc chứng chỉ tập huấn về chẩn đoán, điều trị cắt cơn nghiện ma túy do các cơ quan, tổ chức được Bộ Y tế giao tổ chức tập huấn và cấp chứng chỉ, đang làm việc tại: Các cơ sở y tế quân y, y tế quân dân y; các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của ngành công an; phòng y tế của Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai; phòng y tế của các cơ sở có chức năng tiếp nhận, quản lý người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định, trong thời gian lập hồ sơ để Tòa án nhân dân xem xét quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; trạm y tế xã, phường, thị trấn; phòng khám đa khoa khu vực; trung tâm y tế cấp huyện trở lên và bệnh viện thuộc các bộ, ngành khác”.

4. Sửa đổi gạch đầu dòng (-) thứ nhất điểm a khoản 1 Điều 16 như sau:

“- Thời hạn người nghiện ma túy không nơi cư trú ổn định vào Khu xã hội thuộc Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai theo quyết định của Chủ tịch UBND cấp xã trong thời gian xác minh làm thủ tục đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xét đưa vào cai nghiện bắt buộc là 30 ngày kể từ ngày bàn giao cho Khu xã hội. Hết thời gian lưu trú nói trên mà hồ sơ chưa được Tòa án nhân dân cấp huyện thụ lý thì Giám đốc Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai thông báo bằng văn bản cho UBND cấp xã nơi đưa đối tượng vào Cơ sở có trách nhiệm đón về”.

5. Sửa đổi tiêu đề khoản 2 Điều 16 như sau:

“2. Xác minh, thu thập tài liệu lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (thời gian thực hiện là 15 ngày)”.

6. Sửa đổi gạch đầu dòng (-) thứ nhất điểm a khoản 2 Điều 16 như sau:

“- Sau khi bàn giao người và hồ sơ cho Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai, trong thời gian 15 ngày, cơ quan công an lập hồ sơ tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Đồng thời thông báo cho người bị đề nghị áp dụng hoặc người đại diện của họ (nếu có) về việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc”.

7. Sửa đổi khoản 3 Điều 16 như sau:

“3. Kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (thời gian thực hiện là 10 ngày). Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của cơ quan lập hồ sơ, các đơn vị có liên quan thực hiện nhiệm vụ sau:

a) Trường phòng Tư pháp cấp huyện: Trong thời gian 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ. Kết quả kiểm tra phải được thực hiện bằng văn bản và gửi Trường phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cùng cấp.

b) Trường phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện: Trong thời gian 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của Trường phòng Tư pháp cùng cấp, sẽ tiến hành đối chiếu hồ sơ đề nghị theo quy định tại Khoản 2, Điều 1, Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ (hoặc triệu tập và chủ trì họp Tổ tư vấn nếu thấy cần thiết).

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì đánh bút lục và lập thành 03 bản, bản gốc chuyển Tòa án nhân dân cấp huyện đính kèm công văn đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy đang được quản lý tại Khu xã hội, 01 bản sao gửi Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp, 01 bản sao lưu tại Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định của pháp luật lưu trữ.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì có văn bản đề nghị cơ quan lập hồ sơ bổ sung, trong đó nêu rõ lý do và các tài liệu cần bổ sung vào hồ sơ. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ký văn bản, yêu cầu cơ quan lập hồ sơ phải bổ sung các tài liệu theo yêu cầu đề Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hoàn chỉnh hồ sơ chuyển Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định. Các cơ quan có liên quan thực hiện việc bổ sung theo yêu cầu, sau thời hạn trên nếu hồ sơ không được bổ sung, Trường phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trả lại hồ sơ cho cơ quan lập hồ sơ đồng thời thông báo bằng văn bản cho Trường phòng Tư pháp và người bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc”.

8. Sửa đổi điểm c khoản 5 Điều 16 như sau:

“c) Trường hợp người nghiện ma túy tại Khu xã hội khi chưa có quyết định của Tòa án mà bỏ trốn, Giám đốc Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai thông báo bằng văn bản cho cơ quan lập hồ sơ để tổ chức truy tìm. Trường hợp người nghiện ma túy tại Khu xã hội đã có quyết định của Tòa án mà bỏ trốn thì Giám đốc Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai ra quyết định truy tìm

đối tượng. Cơ quan công an có trách nhiệm phối hợp với Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai trong việc truy tìm để đưa người đó trở lại”.

9. Bổ sung khoản 6 vào Điều 16 như sau:

“6. Kinh phí thực hiện việc đưa người nghiện ma túy vào Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai.

a) Kinh phí đưa người nghiện ma túy vào Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai được áp dụng chi theo Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 08/10/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại trung tâm chữa bệnh - giáo dục - lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng và các quy định của UBND tỉnh.

b) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện tổng hợp hồ sơ, thủ tục và thanh quyết toán với cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định”.

Điều 2. Bổ sung các biểu mẫu kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 05/4/2016 của UBND tỉnh ban hành biểu mẫu trong công tác lập hồ sơ và tổ chức cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của UBND tỉnh

Các biểu mẫu kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 05/4/2016 của UBND tỉnh thống nhất thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Trung ương (đính kèm theo).

1. Bổ sung Biểu mẫu số 32 thay thế Biểu mẫu số 01 “Bản tóm tắt lý lịch tự khai”.

2. Bổ sung Biểu mẫu số 33 thay thế Biểu mẫu số 27 “Phiếu xác định tình trạng cư trú”.

3. Bổ sung Biểu mẫu số 34 “Quyết định đưa người nghiện ma túy ra khỏi Khu xã hội thuộc Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai”.

4. Bổ sung Biểu mẫu số 35 “Quyết định chấm dứt áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn”.

5. Bổ sung Biểu mẫu số 36 “Quyết định đưa người nghiện ma túy ra khỏi diện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế”.

6. Bổ sung Biểu mẫu số 37 “Quyết định về việc chuyển hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc”.

7. Bổ sung Biểu mẫu số 38 “Biên bản đọc hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc”.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2018. Các nội dung khác của Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp lập hồ sơ và tổ chức cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 05/4/2016 của UBND tỉnh ban hành biểu mẫu trong công tác lập hồ sơ và tổ chức cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của UBND tỉnh vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh và các đoàn thể tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh VP. UBND tỉnh (VX, NC);
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hòa Hiệp

.....(1)
.....(2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/....., ngày tháng năm

BẢN TÓM TẮT LÝ LỊCH TỰ KHAI

1. Họ và tên khai sinh: Giới tính: Nam/nữ:.....
2. Tên gọi khác:
3. Sinh ngày tháng năm
4. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
.....
5. Chỗ ở hiện nay (địa chỉ nơi cư trú)(3):.....
.....
6. Số CMND: Cấp ngày/...../..... Nơi cấp
7. Con ông: Năm sinh:
Nơi đăng ký thường trú:
8. Con bà: Năm sinh:
Nơi đăng ký thường trú:
9. Trình độ văn hóa:
10. Trình độ đào tạo (trung cấp, cao đẳng, đại học, trên đại học hoặc tên ngành đào tạo):
11. Nghề nghiệp (ghi rõ nghề nghiệp đang làm, không có ghi không)(4):
.....
12. Việc làm (ghi có việc làm ổn định hoặc không có việc làm ổn định):.....
13. Tiền án (ghi rõ số lần, không có ghi không):
14. Tiền sự (ghi rõ số lần, không có ghi không):
15. Loại ma túy đã sử dụng (ghi tên loại ma túy sử dụng):
16. Hình thức sử dụng ma túy (nuốt, chích, hút):
17. Thời điểm sử dụng ma túy lần đầu (ghi tháng, năm):
18. Thời điểm sử dụng ma túy gần nhất (ghi tháng, năm):
19. Đã áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn do nghiện ma túy (ghi rõ số lần, không có ghi chưa):
20. Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn do nghiện ma túy gần đây nhất (ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ra quyết định):
.....

21. Đã cai nghiện tại gia đình, cai nghiện tại cộng đồng (ghi rõ số lần, không có ghi chưa):

22. Quyết định quản lý cai nghiện tại gia đình hoặc quyết định cai nghiện tại cộng đồng (ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ra quyết định):
.....

23. Đã bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (ghi rõ số lần, không có ghi chưa):

24. Tham gia điều trị nghiện bằng Methadone (có hoặc không):
.....

Nếu có, thời điểm đưa ra khỏi chương trình điều trị nghiện bằng Methadone (ghi rõ ngày, tháng, năm):

25. Hoàn cảnh gia đình hiện nay.....

26. Tình trạng sức khỏe (ghi rõ tình trạng sức khỏe hiện nay, có bị mắc các loại bệnh truyền nhiễm gì không).....

* Tóm tắt quá trình hoạt động của bản thân (từ 18 tuổi đến nay).

....., ngày tháng năm

**TRƯỞNG CÔNG AN (XÃ, PHƯỜNG,
THỊ TRẤN)**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người tự khai
(Ký, ghi rõ họ tên hoặc lấn tay điểm chỉ)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan chủ quản.

(2) Tên cơ quan lập hồ sơ.

(3) Trường hợp không xác định được nơi cư trú thì ghi không có nơi cư trú ổn định.

(4) Người không có việc làm ổn định là:

- Người không có nghề nghiệp là người chưa được học nghề và không có việc làm tạo thu nhập để đảm bảo cuộc sống của bản thân.

- Người có nghề nghiệp nhưng không có việc làm ổn định là người không có việc làm thường xuyên để tạo thu nhập đảm bảo cuộc sống của bản thân.

- Đối với người không biết chữ, ngoài việc lấn tay điểm chỉ cần phải có người làm chứng ký xác nhận./.

Ban hành kèm theo Quyết định số 49/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh

Mẫu số 33

CÔNG AN (H, TX, TP).....
CÔNG AN (X, P, TT).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU XÁC ĐỊNH TÌNH TRẠNG CƯ TRÚ

1. Họ và tên:
2. Họ và tên gọi khác (nếu có):
3. Ngày, tháng, năm sinh:/...../.....
4. Giới tính:
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
6. Nơi sinh:
7. Nguyên quán:
8. Dân tộc: 9. Tôn giáo: 10. Quốc tịch:
11. CMND số: 12. Hộ chiếu số:
13. Họ và tên cha: Năm sinh:
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
14. Họ và tên mẹ: Năm sinh:
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
15. Địa chỉ chỗ ở hiện nay:
.....

TÌNH TRẠNG CƯ TRÚ HIỆN NAY

.....
.....
.....
.....
.....

....., ngày tháng năm

CÁN BỘ LẬP PHIẾU
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG CÔNG AN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ban hành kèm theo Quyết định số 49/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh

Mẫu số 34

UBND (H, TX, TP).....
ỦY BAN NHÂN DÂN (X, P, TT)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

....., ngày..... tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH

**Đưa người nghiện ma túy ra khỏi Khu xã hội
thuộc Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN (XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012;

Căn cứ Quyết định số/2017/QĐ-UBND ngày/....../2017 của UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp lập hồ sơ và tổ chức cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của UBND tỉnh và bổ sung các biểu mẫu kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 05/4/2016 của UBND tỉnh;

Căn cứ

Xét đề nghị của cơ quan công an (tên cơ quan lập hồ sơ)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đưa người nghiện ma túy ra khỏi Khu xã hội thuộc Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai đối với:

Họ và tên: Nam/nữ:

Sinh ngày:/...../.....;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Điều 2. Giao cho (cơ quan lập hồ sơ)..... có trách nhiệm phối hợp với Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai tiến hành các thủ tục cho đối tượng ra khỏi Khu xã hội thuộc Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Các ông/bà có tên tại Điều 1, cơ quan lập hồ sơ, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cơ sở ĐTNMT tỉnh Đồng Nai;
- Công an (huyện, TX, TP...);
- Phòng LĐTBXH (huyện, TX, TP...);
- Tổ tư vấn thẩm định hồ sơ (huyện, TX, TP...);
- Lưu: VT, ...

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN (1)..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

(2)....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấm dứt áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN (1).....

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30/9/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Quyết định số/2017/QĐ-UBND ngày/...../2017 của UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp lập hồ sơ và tổ chức cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của UBND tỉnh và bổ sung các biểu mẫu kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 05/4/2016 của UBND tỉnh;

Căn cứ.....;

Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với:

1. Họ và tên: Nam/nữ:

2. Sinh ngày:/...../.....

3. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

.....
Đang thực hiện biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/...../..... của Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn (1).....

Lý do:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng Công an và người có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND.....;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND (VX);
- Gia đình có tên tại Điều 1;
- Cơ quan, tổ chức có liên quan;
- Lưu: HSDT.

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) UBND xã, phường, thị trấn nơi ra quyết định.

(2) Địa danh nơi ra quyết định./.

Ban hành kèm theo Quyết định số 49/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh

Mẫu số 36

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI
CƠ SỞ ĐIỀU TRỊ METHADONE SỐ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-CSĐTMTD

Đồng Nai, ngày..... tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH

**Đưa người nghiện ma túy ra khỏi diện điều trị nghiện các chất
dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế**

GIÁM ĐỐC CƠ SỞ ĐIỀU TRỊ METHADONE SỐ.....

Căn cứ Nghị định số 90/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều trị nghiện các dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Cơ sở Điều trị Methadone số.... được quy định tại Quyết định số/QĐ-SYT ngày/...../..... của Giám đốc Sở Y tế Đồng Nai;

Căn cứ.....;

Xét đề nghị của.....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đưa ra khỏi chế độ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện đối với:

1. Họ và tên: Nam/nữ:

2. Sinh ngày:/...../.....;

3. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Hiện đang điều trị nghiện các dạng chất thuốc phiện bằng thuốc thay thế Methadone theo Quyết định số/QĐ-CSĐTMTD ngày/...../..... của Giám đốc Cơ sở Điều trị Methadone số.....

Lý do:

Điều 2. Phòng..... có trách nhiệm thông báo Quyết định này cho..... và địa phương nơi cư trú được biết.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng các phòng, ban liên quan và anh (chị) có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Y tế;
- UBND xã
- Lưu: VT, TH.

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 37

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (1)
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-....(3)...

.... (4)...., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc

THẨM QUYỀN BAN HÀNH

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của (5);

Căn cứ Điều 8, Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Khoản 1, Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ;

Căn cứ hành vi vi phạm của:(6);

Xét đề nghị của(7),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với:

Họ và tên: Nam/nữ:

Tên gọi khác:

Sinh ngày:/...../....., tại:

Nguyên quán:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện nay:

Số CMND/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:

Dân tộc: Tôn giáo: Trình độ văn hóa:

Nghề nghiệp:

Nơi làm việc:

Lý do chuyển:

.....

Tài liệu có trong hồ sơ:

.....

Điều 2. Các ông, bà (cơ quan lập hồ sơ) có trách nhiệm chuyển toàn bộ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện (thị xã, thành phố) (8)..... để xem xét chuyển qua Tòa án nhân dân huyện (thị xã, thành phố) (8)..... xét ra quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Điều 3. Quyết định này được gửi đến Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân huyện (thị xã, thành phố) (8)..... xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người có tên nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2, 3;

-

- Lưu: VT,.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có).
- (2) Tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành quyết định.
- (3) Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành quyết định.
- (4) Địa danh.
- (5) Ghi rõ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan ban hành quyết định.
- (6) Ghi rõ tên người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.
- (7) Tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước đề nghị ra quyết định.
- (8) Địa danh./.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Về việc đọc hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp
đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

Căn cứ Quyết định đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số: ngày/...../..... của Chủ tịch UBND

Hôm nay, vào hồi.....giờ ngày tháng năm

Tại

Chúng tôi gồm:

1. Người đọc hồ sơ:

Ông/bà:

Là⁽¹⁾:

2. Đại diện cơ quan lập hồ sơ (hoặc nơi quản lý người đã ra Quyết định đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc):

Ông/bà: Chức vụ:

Đơn vị:

Tiến hành lập biên bản về việc đọc hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với:

Ông/bà: Số CMND:

Sinh ngày:/...../.....;

Biên bản được lập thành 04 bản, 01 bản gửi Tòa án nhân dân huyện (thị xã, thành phố)⁽²⁾, 01 bản được lưu tại cơ quan lập hồ sơ, 01 bản giao cơ sở điều trị nghiện ma túy, 01 bản được gửi cho người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Biên bản được lập xong hồi giờ cùng ngày, đã đọc lại cho mọi người có mặt cùng nghe, không ai có ý kiến gì khác và ký tên dưới đây./.

NGƯỜI ĐỌC HỒ SƠ
(Ký ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN LẬP HỒ SƠ
(Hoặc đại diện cơ sở điều trị nghiện)

Ghi chú:

(1) Chức vụ, chức danh nhà nước.

(2) Địa danh./.